

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/05/2021

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**

2/ Ông **Lê Văn Thuyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:
Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 05 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2021 về việc *“Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Anh **Huỳnh Thanh U**, sinh năm 1986 (*Vắng mặt không lý do*)

Địa chỉ: Ấp N1, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

+ *Về hôn nhân:* Chị T và anh U có tổ chức đám cưới vào khoảng tháng 04 năm 2010 và đến ngày 14/4/2011 thì chị T và anh U có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 – 04 năm đầu tiên, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường hay xảy ra cãi nhau, anh U thường hay ghen tuông vô cớ và đánh đập chị T. Chị T nhiều lần bỏ về nhà mẹ ruột để ở nhưng sau đó vì thương các con nên chị T quay về sống chung với anh U. Chị T cố gắng chịu đựng vì chồng con nhưng cách nay hơn 01 tháng anh U lại tiếp tục kiếm chuyện ghen tuông và đánh đập, đuổi chị T ra khỏi nhà nên chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp N, xã N để ở khoảng 02 tháng nay. Từ lúc chị T bỏ về nhà

cha mẹ ruột đến nay thì anh U có qua nhà cha mẹ ruột của chị T để năn nỉ, kêu chị T quay về sống chung với anh U nhưng chị T không đồng ý vì chị T xét thấy không thể nào tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh U nữa. Chị T đã cố gắng chịu đựng sống cuộc sống hôn nhân với anh U trong nhiều năm nay là vì các con. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị T xin được ly hôn với anh Huỳnh Thanh U.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống chị T và anh U có 02 người con chung là cháu Huỳnh Thanh Đ, sinh ngày 15/7/2011 và cháu Huỳnh Nguyễn Đại L, sinh ngày 19/01/2013. Khi ly hôn nguyện vọng của các con muốn ở với ai thì người đó nuôi, nếu các con muốn ở với chị T thì chị T nuôi, chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị T và anh U tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Huỳnh Thanh U trình bày:

+ *Về hôn nhân*: Anh U thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian vợ chồng tổ chức đám cưới và thời gian vợ chồng đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 03 – 04 năm đầu tiên, sau đó vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay xảy ra cãi nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng đã ly thân cách nay khoảng 02 tháng. Hiện tại chị T đã về bên nhà cha mẹ ruột ở ấp N, xã N để ở. Anh U thừa nhận trong quá trình chung sống những lúc nhậu say anh không kiềm chế được bản thân nên có đánh chị T. Tuy nhiên anh U đã biết lỗi và có xin chị T tha thứ quay về chung sống với anh U nhưng chị T không đồng ý. Hiện tại anh U đã biết lỗi của mình do có rượu trong người không kiềm chế được bản thân nên anh U có hành động bạo lực với chị T và đuổi chị T ra khỏi nhà, anh U vẫn còn thương vợ và con, anh không muốn ly hôn với chị T.

+ *Về con chung*: Trong quá trình chung sống anh U và chị T có với nhau 02 người con chung là cháu Huỳnh Thanh Đ, sinh ngày 15/7/2011 và cháu Huỳnh Nguyễn Đại L, sinh ngày 19/01/2013. Hiện nay 02 đứa con chung đang ở cùng với chị T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh U ly hôn thì về con chung anh U yêu cầu được quyền nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Đại L và đồng ý giao cháu Huỳnh Thanh Đ cho chị T nuôi dưỡng. Anh U không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh U không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Huỳnh Thanh U chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh U; Về quan hệ con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu Huỳnh Thanh Đ, sinh ngày 15/7/2011 và cháu Huỳnh Nguyễn Đại L, sinh ngày 19/01/2013 muốn được sống chung với mẹ là

chị Nguyễn Thị T khi cha mẹ ly hôn. Tiếp tục giao cháu Huỳnh Thanh Đ, sinh ngày 15/7/2011 và cháu Huỳnh Nguyễn Đại L, sinh ngày 19/01/2013 cho chị Nguyễn Thị T chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh U có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu; Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra chị T còn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin được ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Huỳnh Thanh U. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp N1, xã N, huyện H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Huỳnh Thanh U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh U căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Thanh U, thấy rằng: Chị T và anh U có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 14/04/2011 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay xảy ra cãi nhau, anh U hay ghen tuông và nhiều lần đánh đập chị T. Chị T nhiều lần bỏ về nhà mẹ ruột để ở nhưng sau đó vì thương các con nên chị quay về sống chung với anh U. Tuy nhiên cách nay hơn 01 tháng anh U lại tiếp tục kiểm chuyện ghen tuông và đánh đập, đuổi chị T ra khỏi nhà nên hiện tại chị T đã về nhà cha mẹ ruột ở ấp N, xã N để ở khoảng 02 tháng nay. Từ lúc chị T về nhà cha mẹ ruột để ở đến nay anh U có qua nhà cha mẹ ruột chị T để năn nỉ kêu chị T về sống chung với anh U nhưng chị T không đồng ý vì xét thấy không thể nào tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh U được nữa. Chị T mong muốn được ly hôn với anh U. Về phía anh U thừa nhận trong quá trình chung sống những lúc nhậu say anh không kiềm chế được bản thân nên có đánh chị T. Tuy nhiên anh U đã biết lỗi và xin chị T tha thứ nhưng chị T không đồng ý. Hiện tại anh U vẫn còn thương vợ và con, anh không muốn ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên nền tảng vợ chồng cùng yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh U lại thường xảy ra cự cãi, anh U thường hay đánh đập và đuổi chị T ra khỏi nhà. Điều đó cho thấy anh U không yêu thương, tôn trọng

đối với chị T và đặc biệt anh U đã có hành vi bạo lực gia đình, hành vi mà cả xã hội đều lên án. Đồng thời qua xác minh đối với bà Nguyễn Thị P là mẹ ruột của chị T và ông Phạm Văn Q là trưởng ấp N, xã N nơi vợ chồng chị T, anh U sinh sống thì được bà P và ông Q xác nhận trong quá trình chung sống anh U thường hay nhậu nhẹt và nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình đối với chị T. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của chị T và anh U đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh U.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T và anh U thống nhất xác định quá trình chung sống vợ chồng có với nhau hai người con chung là cháu Huỳnh Thanh Đ, sinh ngày 15/7/2011 và cháu Huỳnh Nguyễn Đại L, sinh ngày 19/01/2013. Hiện nay hai người con chung đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn chị T có ý kiến nguyện vọng của các con muốn ở với ai thì người đó nuôi, nếu các con muốn ở với chị T thì chị T nuôi, chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh U có ý kiến trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh U ly hôn thì về con chung anh U yêu cầu được quyền nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Đại L và đồng ý giao cháu Huỳnh Thanh Đ cho chị T nuôi dưỡng, anh U không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải ngày 12/4/2021 chị T và anh U thống nhất thỏa thuận trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn chị T sẽ nuôi cháu Huỳnh Thanh Đ và đồng ý giao cháu Huỳnh Nguyễn Đại L cho anh U nuôi dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm chị T thay đổi ý kiến yêu cầu được quyền nuôi cả hai người con chung của vợ chồng khi vợ chồng ly hôn.

Do chị T và anh U không thỏa thuận được ai là người trực tiếp nuôi các con do đó Hội đồng xét xử phải xem xét nguyện vọng của các con cũng như điều kiện nuôi con của chị T và anh U.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị T có cung cấp cho Tòa án “*Đơn xin xác nhận đủ điều kiện nuôi con*” được chính quyền địa phương xác nhận. Cụ thể hiện tại chị T và hai người con chung của chị T và anh U đang sống chung nhà với bà Nguyễn Thị P (*bà P là mẹ ruột của chị T*) tại ấp N, xã N, huyện Hồng Dân và bà P có cho chị T hai công đất ruộng để làm nuôi các con. Về phía anh U không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho Hội đồng xét xử về điều kiện nuôi con của mình. Hai người con chung của chị T và anh U đều đã trên 07 tuổi, tại biên bản ghi nhận ý kiến của con cùng ngày 12/03/2021 thì cháu Huỳnh Thanh Đ và cháu Huỳnh Nguyễn Đại L đều có nguyện vọng muốn được sống cùng với chị T khi cha mẹ ly hôn. Mặc khác, qua xác minh chính quyền địa phương thì được biết, lúc chị T và anh U còn sống chung thì anh U thường hay nhậu nhẹt và nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình đối với chị T. Anh U có nguyện vọng nuôi con tuy nhiên khi Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 12/05/2021 thì anh U vắng mặt không tham dự, qua xác minh trưởng ấp N và chị ruột của anh U là chị Huỳnh Thị X vào ngày 17/5/2021 thì được biết anh U đã rời địa phương đi thành phố làm thuê hơn 01 tháng nay do đó để bảo đảm cho cháu Đ và cháu L có cuộc sống tốt về mặt tinh thần cũng như vật chất

nên cần tiếp tục giao cháu Huỳnh Thanh Đ và cháu Huỳnh Nguyễn Đại L cho chị T chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng chị T, anh U ly hôn là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị T và anh U tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Anh Huỳnh Thanh U không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh U.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu Huỳnh Thanh Đ, sinh ngày 15/7/2011 và cháu Huỳnh Nguyễn Đại L, sinh ngày 19/01/2013 muốn được sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị T khi cha mẹ ly hôn.

Tiếp tục giao cháu Huỳnh Thanh Đ, sinh ngày 15/7/2011 và cháu Huỳnh Nguyễn Đại L, sinh ngày 19/01/2013 cho chị Nguyễn Thị T chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn.

Anh Huỳnh Thanh U có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu;

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Thanh U không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0011286 ngày 12/03/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được chuyển thu án phí.

Anh Huỳnh Thanh U không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Hồng Dân (2b);
- CC.THADS huyện Hồng Dân (1b);
- UBND xã N (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh